

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Công	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170016	Phạm Chí	Công	04/10/2006	C26TK1	Công	8,6	Tám phẩy sáu	
2	2410170023	Hoàng Anh	Duy	20/11/2006	C26TK1	Duy	9,3	Chín phẩy ba	
3	2410170001	Nguyễn Duy	Dương	06/9/2005	C26TK1	Duy	8,8	Tám phẩy tám	
4	2410170010	Nguyễn Ngọc	Hân	17/11/2006	C26TK1	Hân	8,3	Tám phẩy ba	
5	2410170005	Võ Thị Ngọc	Hân	13/3/2006	C26TK1	Hân	8,8	Tám phẩy tám	
6	2410170025	Lê Đức	Huy	12/04/2005	C26TK1	Huy	9,1	Chín phẩy một	
7	2410170014	Phạm Gia	Hưng	21/07/2006	C26TK1	Hưng	5,0	Năm phẩy không	
8	2410170002	Trần Thanh	Khoa	29/10/2003	C26TK1	Khoa	8,3	Tám phẩy ba	
9	2410170030	Nguyễn Anh	Khôi	19/10/2006	C26TK1	Khôi	6,0	Sáu phẩy không	
10	2410170027	Quách Đăng	Khôi	21/10/2006	C26TK1	Khôi	8,4	Tám phẩy tư	
11	2410170009	Tất Tịnh	Nhi	25/05/2006	C26TK1	Nhi	9,3	Chín phẩy ba	
12	2410170031	Lê Trương Thục	Như	08/11/2006	C26TK1	Như	9,3	Chín phẩy ba	
13	2410170029	Nguyễn Phụng	Như	09/11/2006	C26TK1	Như	7,9	Bảy phẩy chín	
14	2410170022	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	29/05/2006	C26TK1	Phượng	9,3	Chín phẩy ba	
15	2410170007	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	02/7/2006	C26TK1	Quỳnh	9,3	Chín phẩy ba	
16	2410170028	Nguyễn Minh	Thiện	18/10/2006	C26TK1	Thiện	6,5	Sáu phẩy năm	
17	2410170017	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/10/2006	C26TK1	Trâm	9,3	Chín phẩy ba	
18	2410170019	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	27/04/2006	C26TK1	Trâm	8,9	Tám phẩy chín	
19	2410170026	Phùng Thị Tú	Uyên	28/03/2006	C26TK1	Uyên	8,3	Tám phẩy ba	
20	2410030026	Lê Công	Vinh	15/03/2006	C26TK1	Vinh	9,3	Chín phẩy ba	
21	2410170011	Lê Hạ	Vy	27/10/2006	C26TK1	Vy	8,9	Tám phẩy chín	
22	2410170008	Phan Thị Bảo	Yến	25/04/2006	C26TK1	Yến	9,3	Chín phẩy ba	
23	2410170004	Huỳnh Như	Ý	04/02/2004	C26TK1	Như	6,0	Sáu phẩy không	
24	2410170024	Nguyễn Thị Như	Ý	25/03/2006	C26TK1	Như	9,3	Chín phẩy ba	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phụng

RL

PT

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170016	Phạm Chí	Công	04/10/2006	C26TK1	Công	5,0	Năm điểm	
2	2410170023	Hoàng Anh	Duy	20/11/2006	C26TK1	Duy	9,6	Chín phần sáu	
3	2410170001	Nguyễn Duy	Dương	06/9/2005	C26TK1	Dương	7,5	Bảy phần năm	
4	2410170010	Nguyễn Ngọc	Hân	17/11/2006	C26TK1	Hân	8,7	Tám phần bảy	
5	2410170005	Võ Thị Ngọc	Hân	13/3/2006	C26TK1	Hân	9,7	Chín phần bảy	
6	2410170025	Lê Đức	Huy	12/04/2005	C26TK1	Huy	9,5	Chín phần năm	
7	2410170014	Phạm Gia	Hưng	21/07/2006	C26TK1	Hưng	7,8	Bảy phần tám	
8	2410170002	Trần Thanh	Khoa	29/10/2003	C26TK1	Khoa	9,3	Chín phần ba	
9	2410170030	Nguyễn Anh	Khôi	19/10/2006	C26TK1	Khôi	8,4	Tám phần tư	
10	2410170027	Quách Đăng	Khôi	21/10/2006	C26TK1	Khôi	9,6	Chín phần sáu	
11	2410170009	Tất Tịnh	Nhi	25/05/2006	C26TK1	Nhi	9,7	Chín phần bảy	
12	2410170031	Lê Trương Thục	Như	08/11/2006	C26TK1	Như	9,7	Chín phần bảy	
13	2410170029	Nguyễn Phụng	Như	09/11/2006	C26TK1	Như	9,3	Chín phần ba	
14	2410170022	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	29/05/2006	C26TK1	Phượng	9,7	Chín phần bảy	
15	2410170007	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	02/7/2006	C26TK1	Quỳnh	9,7	Chín phần bảy	
16	2410170028	Nguyễn Minh	Thiện	18/10/2006	C26TK1	Thiện	8,5	Tám phần năm	
17	2410170017	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/10/2006	C26TK1	Trâm	9,7	Chín phần bảy	
18	2410170019	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	27/04/2006	C26TK1	Trâm	9,9	Chín phần chín	
19	2410170026	Phùng Thị Tú	Uyên	28/03/2006	C26TK1	Uyên	9,7	Chín phần bảy	
20	2410030026	Lê Công	Vinh	15/03/2006	C26TK1	Vinh	9,6	Chín phần sáu	
21	2410170011	Lê Hạ	Vy	27/10/2006	C26TK1	Vy	9,7	Chín phần bảy	
22	2410170008	Phan Thị Bảo	Yến	25/04/2006	C26TK1	Yến	9,7	Chín phần bảy	
23	2410170004	Huỳnh Như	Ý	04/02/2004	C26TK1	Ý	9,9	Chín phần chín	
24	2410170024	Nguyễn Thị Như	Ý	25/03/2006	C26TK1	Như	9,7	Chín phần bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Ngày: 14...tháng 6...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày: 14...tháng 6...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phụng

TRƯC

VH

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
2	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	C26TK2		6,5	Sáu phần năm	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	C26TK2		8,3	Tám phần ba	L1
4	2410170050	Đặng Tấn Đạt	30/01/2005	C26TK2				L2
5	2410170047	Lê Quốc Huy	22/05/2006	C26TK2				L2
6	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
7	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	C26TK2		7,7	Bảy phần bảy	
8	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
9	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	C26TK2		8,3	Tám phần ba	
10	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
11	2410170054	Võ Anh Minh	19/02/2005	C26TK2				L2
12	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
13	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
14	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
15	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	C26TK2		5,0	Năm phần bốn	
16	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
17	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
18	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	C26TK2		8,9	Tám phần chín	
19	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	C26TK2		8,6	Tám phần sáu	
20	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	C26TK2		8,9	Tám phần chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

PHON
KHẢO THÍ VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Châu	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	26/04/2006	C26TK2		9,0	Chín phần bẩy	
2	2410170055	Nguyễn Chí	Duy	30/09/2006	C26TK2		8,7	Tám phần bẩy	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương	Đại	20/03/2006	C26TK2		8,5	Tám phần năm	
4	2410170050	Đặng Tấn	Đạt	30/01/2005	C26TK2				L2
5	2410170047	Lê Quốc	Huy	22/05/2006	C26TK2				L2
6	2410170033	Nguyễn Khải	Huy	10/01/2006	C26TK2		8,5	Tám phần năm	
7	2410170036	Trần Gia	Huy	28/10/2006	C26TK2		8,4	Tám phần tư	
8	2410170035	Đinh Gia	Khang	13/06/2006	C26TK2		8,6	Tám phần sáu	
9	2410170041	Nguyễn Đăng	Khôi	10/02/2006	C26TK2		9,0	Chín phần bẩy	
10	2410170037	Nguyễn Võ Thành	Long	12/03/2005	C26TK2		8,4	Tám phần tư	
11	2410170054	Võ Anh	Minh	19/02/2005	C26TK2				L2
12	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim	Ngân	06/11/2006	C26TK2		9,7	Chín phần bảy	
13	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	05/04/2006	C26TK2		9,0	Chín phần bẩy	
14	2410170046	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	11/08/2006	C26TK2		9,7	Chín phần bảy	
15	2410010034	Lê Thị Lan	Nhi	19/08/2006	C26TK2		5,0	Năm phần bẩy	
16	2410170038	Cao Trần	Phát	25/03/2005	C26TK2		5,7	Năm phần bảy	
17	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ	Phong	21/05/2006	C26TK2		8,2	Tám phần bẩy	
18	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên	Phụng	26/11/2005	C26TK2		9,7	Chín phần bảy	
19	2410170053	Huỳnh Văn	Sơn	06/08/2005	C26TK2		8,5	Tám phần năm	
20	2410170051	Nguyễn Hữu Đức	Thịnh	17/03/2005	C26TK2		8,5	Tám phần năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	19/01/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1		4,0	Bốn phẩy không	
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1		5,6	Năm phẩy sáu	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1		5,6	Năm phẩy sáu	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
12	2410160019	Dương Hiếu	Ly	04/04/2000	C26TM1		7,3	Bảy phẩy ba	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
16	2410160006	Trần Thị Kiều	Oanh	19/05/2004	C26TM1		6,5	Sáu phẩy năm	
17	2410160003	Tống Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
18	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1		8,6	Tám phẩy sáu	
19	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1		6,6	Sáu phẩy sáu	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
21	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		8,4	Tám phẩy tư	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
23	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1		7,9	Bảy phẩy chín	
25	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1		7,9	Bảy phẩy chín	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1		5,6	Năm phẩy sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày: 14 tháng 06 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Dung

TRƯC

VH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	19/01/2006	C26TM1		9,7	Chín phẩy bảy	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1		9,7	Chín phẩy bảy	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1		9,0	Chín phẩy không	
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1		8,7	Tám phẩy bảy	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1		8,7	Tám phẩy bảy	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1		9,6	Chín phẩy sáu	
12	2410160019	Dương Hiểu	Ly	04/04/2000	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1		8,0	Tám phẩy không	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1		10,0	Mười phẩy không	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1		9,6	Chín phẩy sáu	
16	2410160006	Trần Thị Kiều	Oanh	19/05/2004	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
17	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1		9,5	Chín phẩy năm	
18	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1		9,9	Chín phẩy chín	
19	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1		8,7	Tám phẩy bảy	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
21	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		9,6	Chín phẩy sáu	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
23	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
25	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1		9,4	Chín phẩy tư	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1		9,0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Chí Dũng

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Văn Hùng

TRU

KH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2	Tiên	7,5	Bảng phụ này	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày: 14...tháng 6...năm 2025

Ngày: 14...tháng 6...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Tham Chi Dung


Mai Lan Phung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2	Tiên	9,6	Chín phẩy sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Dung

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Mai Lan Phương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN THỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

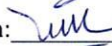
Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110902202

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Ngày thi: 22/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006					C26TK2	
2	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006					C26TK2	
3	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006					C26TK1	
4	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006					C26TK1	
5	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006					C26TK1	
6	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004					C26TM1	
7	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005					C26TK2	
8	2410160003	Tống Đức Phát	25/11/2002					C26TM1	
9	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005					C26TM1	
10	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ Phong	21/05/2006	✓	✓	✓		C26TK2	
11	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005					C26TM1	
12	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005					C26TK2	
13	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006					C26TK1	
14	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006					C26TM1	
15	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006					C26TM1	
16	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/7/2006					C26TK1	
17	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005					C26TK2	
18	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006					C26TM1	
19	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994					C26TM1	
20	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006					C26TM1	
21	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006					C26TK1	
22	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005					C26TK2	
23	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005					C25LG2	
24	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006					C26TK1	
25	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006					C26TK1	
26	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006					C26TK1	
27	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006					C26TK1	
28	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006					C26TK1	
29	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006					C26TM1	
30	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006					C26TM1	
31	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006					C26TK1	
32	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004					C26TK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	<i>nhu</i>				C26TK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 32 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

han

Đạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Minh

Minh Lan Minh



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: GC1L0Q

Thời gian thi: 22/07/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 22/07/2025 08:45:00

Giám thị 1: N.T.N.Hoa Ký tên: N.T.N.Hoa

Giám thị 2: T.T.Truyền Ký tên: T.T.Truyền

Giám thị 3: P.T.Nguyễn Ký tên: P.T.Nguyễn

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410170046	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11/08/2006	<u>Ng</u>	8	Tám	C26TK2	
2	2410170009	Tất Tịnh Nhi	25/05/2006	<u>Nhi</u>	3.8	Ba, tám	C26TK1	
3	2410010034	Lê Thị Lan Nhi	19/08/2006	<u>Nhi</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TH	
4	2410170029	Nguyễn Phụng Như	09/11/2006	<u>Như</u>	4.8	Bốn, tám	C26TK1	
5	2410170031	Lê Trương Thục Như	08/11/2006	<u>Như</u>	8	Tám	C26TK1	
6	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004	<u>Oanh</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TM1	
7	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	<u>Phát</u>	7.8	Bảy, tám	C26TM1	
8	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	<u>Phát</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM1	
9	2410170038	Cao Trần Phát	25/03/2005	<u>Phát</u>	5	Năm	C26TK2	
10	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	<u>Phong</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TM1	
11	2410170039	Nguyễn Hồ Thiên Phụng	26/11/2005	<u>Phụng</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TK2	
12	2410170022	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/05/2006	<u>Phượng</u>	9.2	Chín, hai	C26TK1	
13	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006	<u>Quyên</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM1	
14	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	<u>Quỳnh</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TM1	
15	2410170007	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/07/2006	<u>Quỳnh</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK1	
16	2410170053	Huỳnh Văn Sơn	06/08/2005	<u>Sơn</u>	5.2	Năm, hai	C26TK2	
17	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	<u>Tâm</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM1	
18	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	<u>Thành</u>	8.8	Tám, tám	C26TM1	
19	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	<u>Thi</u>	8.2	Tám, hai	C26TM1	
20	2410170028	Nguyễn Minh Thiện	18/10/2006	<u>Thiện</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TK1	
21	2410170051	Nguyễn Hữu Đức Thịnh	17/03/2005	<u>Thịnh</u>	4.8	Bốn, tám	C26TK2	
22	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	<u>Tiên</u>	7.4	Bảy, bốn	C25LG2	
23	2410170017	Lê Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	<u>Trâm</u>	7.2	Bảy, hai	C26TK1	
24	2410170019	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/04/2006	<u>Trâm</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TK1	
25	2410170026	Phùng Thị Tú Uyên	28/03/2006	<u>Uyên</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TK1	
26	2410030026	Lê Công Vinh	15/03/2006	<u>Vinh</u>	8	Tám	C26TK1	
27	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	<u>Vy</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM1	
28	2410170011	Lê Hạ Vy	27/10/2006	<u>Vy</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TK1	
29	2410170024	Nguyễn Thị Như Ý	25/03/2006	<u>Ý</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK1	
30	2410170004	Huỳnh Như Ý	04/02/2004	<u>Ý</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TK1	
31	2410170008	Phan Thị Bảo Yến	25/04/2006	<u>Yến</u>	8.4	Tám, bốn	C26TK1	
32	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	<u>Yến</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 31

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Mỹ



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: Phạm Quang Sáng

Ký tên:

Mã lớp học phần: 24311MH110902202

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trần Thị Hoa

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên:

Ngày thi: 22/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006					C26TM1	
2	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006					C26TK2	
3	2410170016	Phạm Chí Công	04/10/2006					C26TK1	
4	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006					C26TK1	
5	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006					C26TK2	
6	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/9/2005					C26TK1	
7	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006					C26TK2	
8	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoan	11/05/2006					C26TM1	
9	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006					C26TM1	
10	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006					C26TK1	
11	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/3/2006					C26TK1	
12	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006					C26TM1	
13	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000					C26TM1	
14	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005					C26TK1	
15	2410170033	Nguyễn Khải Huy	10/01/2006					C26TK2	
16	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006					C26TM1	
17	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004					C26TM1	
18	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006					C26TK2	
19	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006					C26TM1	
20	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006					C26TK1	
21	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006					C26TM1	
22	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006					C26TK2	
23	2410170002	Trần Thanh Khoa	29/10/2003					C26TK1	
24	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006					C26TK1	
25	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006					C26TM1	
26	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006					C26TK2	
27	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006					C26TK1	
28	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006					C26TM1	
29	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005					C26TK2	
30	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000					C26TM1	
31	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006					C26TM1	
32	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006					C26TK2	
33	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006					C26TK2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006					C26TM1	
35	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006					C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 33 vắng thi: 02 Số bài thi/Số tờ: 33 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Lan Phương



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: 00Q5DV

Thời gian thi: 22/07/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 22/07/2025 08:45:00

Giám thị 1: P. Quang Sang Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: Ng. Tiến Dũng Ký tên: [Signature]
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TM1	
2	2410170044	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/04/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TK2	
3	2410170042	Nguyễn Hoàng Phương Đại	20/03/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TK2	
4	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TM1	
5	2410170001	Nguyễn Duy Dương	06/09/2005	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TK1	
6	2410170055	Nguyễn Chí Duy	30/09/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TK2	
7	2410170023	Hoàng Anh Duy	20/11/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TK1	
8	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TM1	
9	2410170005	Võ Thị Ngọc Hân	13/03/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK1	
10	2410170010	Nguyễn Ngọc Hân	17/11/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TK1	
11	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TM1	
12	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TM1	
13	2410170014	Phạm Gia Hưng	21/07/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TK1	
14	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TM1	
15	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TM1	
16	2410160004	Phan Nhật Huy	10/07/2004	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TM1	
17	2410170036	Trần Gia Huy	28/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TK2	
18	2410170025	Lê Đức Huy	12/04/2005	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TK1	
19	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TM1	
20	2410170035	Đinh Gia Khang	13/06/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TK2	
21	2410170002	Trần Thanh Khoa	29/10/2003	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26TK1	
22	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TM1	
23	2410170027	Quách Đăng Khôi	21/10/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TK1	
24	2410170030	Nguyễn Anh Khôi	19/10/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TK1	
25	2410170041	Nguyễn Đăng Khôi	10/02/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TK2	
26	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TM1	
27	2410170037	Nguyễn Võ Thành Long	12/03/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TK2	
28	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TM1	
29	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM1	
30	2410170045	Mai Minh Ngọc Kim Ngân	06/11/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TK2	
31	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TK2	
32	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
33	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 33

Số sinh viên đạt: 33

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Mai Lan Phụng